

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2004/HS-ST

Ngày 28 - 3 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và bà Nguyễn Thị Huê.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ 1, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức C và bà Trịnh Thị T; chồng: Hoàng Hải N; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2023, đến ngày 25/11/2023 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2/ Nguyễn Đức T, sinh năm 1982 tại Hà Nam; nơi ĐKNKTT: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Tổ 1, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức C và bà Trịnh Thị T; vợ: Lê Thị Mỹ L (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/12/2007 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2023, đến ngày 25/11/2023 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Anh Trần Hữu T1, sinh năm 1987; trú tại: Tổ dân phố N, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2/ Anh Hoàng Hải N, sinh năm 1982; trú tại: Tổ 1, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu tháng 10/2022, do cần tiền đầu tư kinh doanh nên anh Trần Hữu T1 đã vay tiền của Nguyễn Thị H, anh T1 và H thỏa thuận với nhau về lãi suất thống nhất việc tính tiền lãi suất, trả tiền lãi, cụ thể như sau:

- Đối với cách tính tiền lãi hàng tháng: Tiền lãi hàng tháng với lãi suất thỏa thuận nhân với 30 ngày (nếu trường hợp tháng đó không đủ 30 ngày hay hơn 30 ngày thì H vẫn tính đủ là 30 ngày). Khi anh Trần Hữu T1 thanh toán tiền gốc cho H, nếu trường hợp khoản vay đó chưa đủ một tháng thì H sẽ tính số ngày (tính từ thời điểm H cho anh Trần Hữu T1 vay tiền đến thời điểm anh T1 thanh toán tiền gốc), trường hợp nếu H đã cắt tiền lãi trước (tức là thu tiền lãi trước của tháng đầu tiên) thì nêu thừa tiền H sẽ trả lại cho anh T1.

- Đối với việc trả tiền lãi hàng tháng: Tính từ ngày H cho anh Trần Hữu T1 vay tiền thì ngày đó của tháng sau là tròn một tháng và là ngày anh T1 phải trả tiền lãi cho H, nếu quá ngày nào thì H sẽ tính thêm tiền lãi ngày đó.

Trong khoảng thời gian từ ngày 03/10/2022 đến ngày 15/11/2023, H đã cho anh Trần Hữu T1 vay tiền nhiều lần và tính lãi suất với anh T1 từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng lãi suất 109,5%/năm, vượt gấp 5,475 lần mức cho phép cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/ 1 năm của khoản tiền vay) đến 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng lãi suất 146%/năm, vượt gấp 7,3 lần mức cho phép cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). H sử dụng tài khoản số 030079583002 mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín mang tên Nguyễn Thị H và tài khoản số 2900868333868 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam mang tên Hoàng Hải N (chồng H) để chuyển tiền cho anh T1 vay đồng thời cũng sử dụng số tài khoản trên để anh T1 chuyển khoản trả tiền lãi hàng tháng cho H. Anh Trần Hữu T1 sử dụng tài khoản số 108868983833 mở tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam mang tên Trần Hữu T1 để chuyển khoản trả tiền gốc, tiền lãi cho H cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 03/10/2022, Nguyễn Thị H cho anh Trần Hữu T1 vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. H chuyển khoản số tiền trên từ tài khoản số 2900868333868 đến tài khoản số 108868983833 của anh Trần Hữu T1, tiền lãi anh T1 phải trả cho H mỗi tháng là 13.500.000 đồng. Ngày 05/10/2022, anh T1 trả H số tiền 153.000.000 đồng, gồm tiền gốc là 150.000.000 đồng, 1.800.000 đồng tiền H mua quạt hơi nước của anh Trần Hữu T1 và 1.200.000 đồng tiền lãi (thực tế số tiền lãi của 03 ngày là 1.350.000 đồng nhưng H cho anh T1 150.000 đồng). Trừ đi số tiền lãi được thu theo quy định là 246.575 đồng, H thu lợi bất chính 953.425 đồng.

- Lần 2: Ngày 08/11/2022, Nguyễn Thị H cho anh Trần Hữu T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 2900868333868 đến tài khoản số 108868983833 của anh Trần Hữu T1; tiền lãi anh T1 phải trả cho H hàng tháng là 9.000.000 đồng. Ngày 09/12/2022, anh Trần Hữu T1 chuyển khoản trả H số tiền 109.000.000 đồng, gồm tiền gốc là 100.000.000 đồng và 9.000.000 đồng tiền lãi. Trừ đi số tiền lãi được thu theo quy định là 1.643.835 đồng, H thu lợi bất chính 7.356.165 đồng.

- Lần 3: Ngày 20/12/2022, Nguyễn Thị H cho anh Trần Hữu T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 2900868333868 đến tài khoản số 108868983833 của anh Trần Hữu T1; tiền lãi anh T1 phải trả cho H hàng tháng là 9.000.000 đồng (H

cắt lãi trước một tháng là 9.000.000 đồng và 500.000 đồng anh T1 nợ H trước đó nên H chuyển cho anh T1 số tiền 90.500.000 đồng). Ngày 24/4/2023 anh T1 trả H số tiền gốc 65.000.000 đồng thì H tính thêm 04 ngày tiền lãi là 1.200.000 đồng. Như vậy, từ ngày 20/12/2022 đến ngày 24/4/2023, H đã thu tiền lãi của anh T1 04 lần với tổng số tiền lãi là 37.200.000 đồng (gồm 04 tháng tiền lãi là 36.000.000 đồng và 04 ngày tiền lãi là 1.200.000 đồng). Anh T1 nợ lại số tiền gốc 35.000.000 đồng và H không tính lãi. Trừ đi số tiền lãi được thu theo quy định là 6.794.520 đồng, H thu lợi bất chính 30.405.480 đồng.

- Lần 4: Ngày 22/12/2022, Nguyễn Thị H cho anh Trần Hữu T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất là 10.000.000 đồng/100.000.000 đồng/01 tháng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 2900868333868 đến tài khoản số 108868983833 của anh Trần Hữu T1, tiền lãi anh T1 phải trả cho H hàng tháng là 10.000.000 đồng (H cắt lãi trước một tháng là 10.000.000 đồng nên H chuyển cho anh T1 số tiền 90.000.000 đồng). Ngày 26/4/2023 anh T1 trả H số tiền gốc 135.000.000 đồng (gồm 100.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay ngày 22/12/2022 và 35.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay ngày 20/12/2022). Như vậy, từ ngày 22/12/2022 đến ngày 26/4/2023, H đã thu tiền lãi của anh T1 04 lần với tổng số tiền lãi là 40.000.000 đồng. Trừ đi số tiền lãi được thu theo quy định là 6.794.520 đồng, H thu lợi bất chính 34.405.480 đồng.

- Lần 5: Ngày 25/3/2023, Nguyễn Thị H cho anh Trần Hữu T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 2900868333868 đến tài khoản số 108868983833 của anh Trần Hữu T1, tiền lãi anh T1 phải trả cho H hàng tháng là 12.000.000 đồng (H cắt lãi trước một tháng là 12.000.000 đồng và 1.000.000 đồng anh T1 nợ H trước đó nên H chuyển cho anh T1 số tiền 87.000.000 đồng). Như vậy, từ ngày 25/3/2023 đến ngày 15/11/2023, H đã thu tiền lãi của anh T1 07 lần với tổng số tiền lãi là 84.000.000 đồng. Trừ đi số tiền lãi được thu theo quy định là 11.506.849 đồng, H thu lợi bất chính 72.493.151 đồng.

- Lần 6: Ngày 26/7/2023, Nguyễn Thị H cùng với Nguyễn Đức T cho anh Trần Hữu T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tiền lãi anh T1 phải trả cho H hàng tháng là 12.000.000 đồng (H cắt lãi trước là 12.000.000 đồng nên anh T1 chỉ được nhận số tiền 88.000.000 đồng). H chuyển số tiền trên từ tài khoản số 030079583002 vào số tài khoản số 1982988888888 mở tại Ngân hàng MB mang tên Nguyễn Đức T để T làm việc trực tiếp với anh Trần Hữu T1 và chuyển khoản cho anh Trần Hữu T1 vay. Anh Trần Hữu T1 viết giấy biên nhận thế chấp xe ô tô tải nhãn hiệu Thaco màu xanh BKS 29C-733.87 với Nguyễn Đức T. Như vậy, từ ngày 26/7/2023 đến ngày 15/11/2023 H đã thu tiền lãi của anh Trần Hữu T1 03 lần với tổng số tiền lãi là 36.000.000 đồng. Trừ đi số tiền lãi được thu theo quy định là 4.931.506 đồng, H và Nguyễn Đức T thu lợi bất chính số tiền 31.068.494 đồng.

Như vậy từ ngày 03/10/2022 đến ngày 16/11/2023, tổng số tiền gốc Nguyễn Thị H cho anh Trần Hữu T1 vay là 650.000.000 đồng (anh T1 đã trả cho H được 450.000.000đ, còn nợ 200.000.000 đồng). Số tiền lãi thực tế H đã thu của anh Trần Hữu T1 khi cho vay các khoản tiền là 208.600.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo quy định của pháp luật H được thu là 31.917.805 đồng, H đã thu lợi bất chính tổng số tiền 176.682.195 đồng.

Đối với Nguyễn Đức T từ ngày 26/7/2023 đến ngày 15/11/2023, đã tham gia cùng Nguyễn Thị H cho anh Trần Hữu T1 vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đối với khoản vay này thực tế H đã thu của anh Trần Hữu T1 03 lần tiền lãi với tổng số tiền lãi là 36.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi H được thu theo quy định là 4.931.506 đồng, H thu lợi bất chính số tiền 31.068.494 đồng.

* Vật chứng, tài sản thu giữ gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu bạc, số IMEI 1: 353650695247697, bên trong lắp sim số: 0981675988 thu giữ của Nguyễn Thị H.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng, số IMEI 1: 35578215259969, bên trong lắp sim số: 0888808169 của Nguyễn Đức T do anh Hoàng Hải N giao nộp.

- Số tiền 450.000.000 đồng là tiền gốc và 208.600.000 đồng tiền lãi anh Trần Hữu T1 đã trả H, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phủ Lý đã yêu cầu Nguyễn Thị H giao nộp nhưng H chưa chấp hành.

- Số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc anh Trần Hữu T1 còn nợ Nguyễn Thị H, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phủ Lý đã yêu cầu anh Trần Đức T1 giao nộp nhưng anh T1 chưa chấp hành.

* Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS-PL ngày 02/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố Nguyễn Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Đức T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức T như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX):

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (đối với Nguyễn Đức T); khoản 2 Điều 201, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với bị cáo H); các Điều 17, 50, 58, khoản 1 Điều 35 (đối với các bị cáo) của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Đức T từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính là **176.682.195** đồng cho anh Trần Hữu T1.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 481.919.805 đồng.

Buộc anh Trần Hữu T1 phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo H nhưng chưa thanh toán là 200.000.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu bạc, số IMEI 1: 353650695247697, bên trong lắp sim số thuê bao 0981675988; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng, số IMEI 1: 35578215259969, bên trong lắp sim số 0888808169.

+ Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì; đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai và quan điểm của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản vụ việc, các vật chứng đã thu giữ, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ của vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/10/2022 đến ngày 16/11/2023, tại thành phố P, tỉnh Hà Nam, Nguyễn Thị H đã cho anh Trần Hữu T1 vay 06 lần tiền với tổng số tiền là 650.000.000 đồng và tính lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng lãi suất 109,5%/năm, vượt gấp 5,475 lần mức cho phép cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/01 năm của khoản tiền vay) đến 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng lãi suất 146%/năm, vượt gấp 7,3 lần mức cho phép cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Đối với Nguyễn Đức T, từ ngày 26/7/2023 đã tham gia cùng Nguyễn Thị H cho anh Trần Hữu T1 vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng lãi suất 146%/năm, vượt gấp 7,3 lần mức cho phép cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). T đã giúp sức cho H thu lợi bất chính số tiền 31.068.494 đồng. Tổng số tiền lãi mà H đã thu của anh Trần Hữu T1 là 208.600.000 đồng, trong đó số tiền H đã thu lợi bất chính là 176.682.195 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều

201 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng: Đối với bị cáo Nguyễn Thị H là người chủ mưu, nguồn tiền để cho vay toàn bộ là của H, H là người cho vay tiền và trực tiếp thu tiền lãi của anh T1 nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Đối với bị cáo Nguyễn Đức T là người giúp sức cho bị cáo H để cho anh T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, bản thân T không được hưởng lợi gì từ việc vay tiền giữa H và anh T1, do đó bị cáo T là đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

[5] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo T đã từng bị Tòa án xét xử về tội “Chứa mại dâm”.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo H đã nộp 10.000.000 đồng tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý để bồi thường cho anh T1, khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H có chồng được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, bố chồng được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, mẹ chồng được tặng Huân chương chiến công; bị cáo Nguyễn Đức T đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; các bị cáo H, T hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo H 06 lần cho anh Trần Hữu T1 vay tiền thì có 04 lần bị cáo thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng và chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay với lãi suất cao là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi nhuận bất chính thu được là rất cao (mức lãi suất gấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự) mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại về vật chất đối với người đi vay do phải trả một khoản lãi quá cao so với quy định, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Phủ Lý. Xét bị cáo H dùng tiền của mình để cho vay, không có việc huy động tiền vốn từ người khác, nguồn sống chính của các bị cáo không phụ thuộc vào việc cho vay lãi nặng nên các bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp. Vì vậy, việc xét xử nghiêm minh hành vi phạm tội này của các bị cáo là cần thiết, với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, xét bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội với vai trò thứ yếu, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không cần thiết áp dụng hình

phạt tù là hình phạt chính mà cần xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền đối với các bị cáo để sung Ngân sách Nhà nước nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong cộng đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Do HĐXX áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo Nguyễn Thị H cho anh Trần Hữu T1 vay 650.000.000 đồng làm nhiều lần và đã thu tiền lãi của anh T1 (thu lợi bất chính) số tiền là 176.682.195 đồng, do đó buộc bị cáo H phải thanh toán trả cho anh T1 số tiền trên.

Đối với số tiền 450.000.000 đồng là tiền gốc mà bị cáo Nguyễn Thị H đã sử dụng để cho anh Trần Hữu T1 vay nhằm thu lợi bất chính, quá trình điều tra xác định là tài sản của bị cáo H; đối với số tiền 31.917.805 đồng là tiền lãi mà bị cáo H được thu theo quy định của pháp luật của anh Trần Hữu T1 nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng mà anh Trần Hữu T1 đã vay của bị cáo H nhưng chưa thanh toán cho H, đây là tài sản của bị cáo, bị cáo H sử dụng số tiền này vào việc phạm tội nên cần buộc anh Trần Hữu T1 nộp số tiền này vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu bạc, số IMEI 1: 353650695247697 và 01 sim số thuê bao 0981675988 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị H; đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng, số IMEI 1: 35578215259969, bên trong lắp sim số 0888808169 là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức T. Các bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[7] Về tình tiết khác: Đối với anh Hoàng Hải N là chủ số tài khoản 2900868333868 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam. Quá trình điều tra xác định anh N không sử dụng số tài khoản này mà do Nguyễn Thị H (là vợ của anh N) sử dụng số tài khoản này để giao dịch chuyển tiền. Anh N không biết việc H sử dụng tài khoản trên để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ xử lý trong vụ án này.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo T); khoản 2 Điều 201, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 48 (đối với bị cáo H); các Điều 17, 50, 58, khoản 1 Điều 35, Điều 47 (đối với các bị cáo) của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải thanh toán trả cho anh Trần Hữu T1 số tiền là 176.682.195đ làm tròn thành 176.682.000đ (một trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm tám hai nghìn đồng). Đối trừ với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) mà bị cáo H đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý theo biên lai số 0000368 ngày 15/3/2024, bị cáo H còn phải thanh toán trả cho anh T1 số tiền 166.682.000đ (một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm tám hai nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị H đối với số tiền 481.919.805đ làm tròn thành 481.920.000đ (bốn trăm tám mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Buộc anh Trần Hữu T1 phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

3/ Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu bạc, số IMEI 1: 353650695247697 và 01 sim số thuê bao 0981675988; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng, số IMEI 1: 35578215259969, bên trong lắp sim số: 0888808169.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao, nhận vật chứng vụ án lập ngày 05/02/2024 giữa Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý).

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Đức T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ CSĐT Công an TP Phủ Lý;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Các bị cáo;
- Người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Lưu HSVA, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân